

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 97

Phân Nhiếp sự, Sự Khế kinh.

Bồ đề phần pháp: lựa chọn, gồm thâu thứ tư

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về sự lựa chọn, gồm thâu của Duyên khởi, Thực, Đế, Giới. Sự lựa chọn, gồm thâu của pháp Bồ đề phần, nay sẽ nói.

Tụng chung nêu:

Niệm trụ cùng chánh đoạn

Thần túc và căn lực

Giác đạo chi túc niệm

Học chứng tịnh là sau.

Tụng riêng nêu:

Sa-môn, nghĩa Sa-môn

Hỷ lạc tất cả pháp

Phạm hạnh sở thủ thú

Vượt hai nhiễm là sau.

Dựa nơi bốn niệm trụ tu tập tăng thượng, do bốn nhân duyên nên biết nội pháp có đạo Sa-môn cùng có cứu cánh. Ngoại pháp quyết định không có đạo Sa-môn, cũng không có cứu cánh. Nên biết, các đạo Sa-môn của luận khác, cùng với cứu cánh, tất cả đều không.

Thế nào gọi là bốn thứ nhân duyên? Đó là:

1. Nương dựa nơi bốn xứ, đạt được bốn chứng trí.
2. Giải thoát bốn thứ tùy phiền não ngoài.
3. Đệ tử của nội pháp cùng với đệ tử của ngoại đạo, phẩm loại không đồng.
4. Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phẩm loại không đồng.

Thế nào gọi là Sa-môn của nội pháp? Nghĩa là các Sa-môn lược có bốn loại:

1. Sa-môn thắng đạo.
2. Sa-môn luận đạo.
3. Sa-môn mạng đạo.
4. Sa-môn ô đạo.

Bốn loại Sa-môn này, hoặc lược hoặc rộng, như nơi địa Thanh văn đã biện giải về tướng.

Đạo của nội pháp: Thế nào là đạo? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, hoặc nơi chốn thiết lập tám chi Thánh đạo. Xứ ấy thiết lập ô đạo, vì sau bốn thứ Sa-môn, nếu có đạo tự hành theo hành tà, không phải sanh vật dụng của đạo. Do nhân duyên ấy, nên thừa nhận có ô đạo. Như thế, ngoại pháp hầy còn không có ô đạo, huống hồ là đạt được hữu dư.

Cứu cánh của nội pháp: Thế nào là cứu cánh? Nghĩa là đoạn dứt các thủ. Các thủ được đoạn dứt rồi, thì đối với vị lai hoàn toàn không còn nối tiếp.

Thế nào gọi là nương dựa nơi bốn xứ?

Thế nào lại gọi là đạt được bốn chứng trí? Bốn xứ là:

1. Xứ không còn sanh trở lại của ba kiết đã vĩnh viễn đoạn trừ.
2. Xứ uy lực của pháp không thối chuyển.
3. Xứ của chủng loại quyết định hướng tới Bồ đề.
4. Xứ tùy hành của tối đa bảy lần trở lại nẻo sanh tử.

Dựa nơi bốn xứ ấy, đối với Phật Pháp Tăng cùng đối với tịnh giới, đạt được trí chứng tịnh.

Thế nào gọi là giải thoát bốn thứ tùy phiền não ngoài? Đó là:

1. Giải thoát tùy phiền não ngoài của hiện pháp.
2. Giải thoát tùy phiền não ngoài của hậu pháp.
3. Giải thoát tùy phiền não ngoài được tạo ra do lần lược hỗ tương chống trái.
4. Giải thoát tùy phiền não ngoài được tạo ra do đối với các Thánh đế không thể tuyên thuyết, không thể giác ngộ.

Nên biết ở đây, các loại ngoại đạo thiếu niệm trụ, niệm bị quên mất, không trụ nơi chánh tri, lãnh nhận các thọ hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc. Đối với lạc khởi nhiễm, đối với khổ khởi sân, đối với không khổ không lạc phát khởi ngu si. Như vậy gọi là tùy phiền não ngoài của hiện pháp thứ nhất.

Kẻ kia do nhiễm, sân, si như thế, do thọ làm duyên, sanh ra ái của

hữu sau. Do ái làm duyên, phát sanh các thủ. Có ái, thủ nên dùng thủ làm duyên, hình thành nơi hữu, nói rộng cho đến khối thuận là khổ lớn được tích tập, tăng trưởng. Như thế gọi là tùy phiền não ngoài của hậu pháp thứ hai.

Lại, nơi các ngoại đạo, Tát-ca-da-kiến dùng làm căn bản nơi vô số “kiến thứ”, ý đều riêng biệt, đây kia lần lượt hỗ tương chống trái. Đó gọi là tùy phiền não ngoài thứ ba.

Lại, các ngoại đạo, ở trong khắp tất cả bốn Thánh đế, hãy còn không có thể thiết lập được giáo pháp, hướng là sẽ giác ngộ. Thế nên, trí họ tự quy về tông chỉ, tuy được tăng thượng, nhưng thật sự không biết là đã rơi vào nẻo vô minh. Đó gọi là tùy phiền não ngoài thứ tư.

Trụ nơi nội pháp, đối với tất cả đều có thể giải thoát.

Thế nào gọi là đệ tử của nội pháp cùng với đệ tử của ngoại đạo, phẩm loại không đồng? Nghĩa là đệ tử của ngoại đạo, hoặc rơi vào biên thường của hữu kiến, hoặc rơi vào biên đoạn của vô kiến, trong đêm dài sanh tử đã tích tập, khởi sự che giấu sâu xa, do Văn thân cận, do Tư nhiễm chấp, do Tu nhiễm vướng.

Đệ tử của nội pháp hành xử nẻo trung, xa lìa hai biên.

Thế nào gọi là Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phẩm loại không đồng? Nghĩa là sư của ngoại đạo, đối với tất cả thủ, tuy đồng tuyên thuyết luận biến tri để đoạn trừ, nhưng đối với chúng không thể thiết lập việc nhận biết khắp để đoạn trừ đúng đắn. Do những sư ấy vốn khế hợp với nẻo xuất gia xả bỏ dục, nên đối với dục thủ đã lập nhận biết khắp để đoạn trừ, không phải đối với tự kiến, tự giới, ngã ngữ. Nếu có lúc cùng với kẻ khác, là các Sa-môn, Bà-la-môn khác, kiến không đồng phần, giới cấm đồng phần, họ lại đối với kiến thủ cũng có thể tùy phần, lập nhận biết khắp để đoạn trừ, không phải đối với hai thủ là giới cấm, ngã ngữ. Nếu có giới cấm cũng không đồng phần, thì đối với giới cấm thủ họ cũng có thể tùy phần lập nhận biết khắp để đoạn. Còn ngã ngữ thì nơi tất cả thời, tất cả ngoại đạo thấy đều cùng có. Do đó, ngoại đạo, nơi tự nơi tha, trong ngã ngữ thủ đều không thiết lập luận biến tri để đoạn.

Lại, ngoại đạo tuy có thể phân bỏ các thủ, nhưng nơi vị lai trở lại là chủ thể thủ, vì chưa đoạn trừ vĩnh viễn. Như thế, ngoại đạo ở trong các thủ chưa đoạn trừ hoàn toàn, chưa đoạn dứt vĩnh viễn nên không thể đạt cứu cánh.

Đại sư của nội pháp, nên biết tất cả cùng với trên trái nhau. Như vậy, nên biết Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phẩm loại

không đồng.

Lại nữa, dựa nơi bốn niệm trụ, tu tập tăng thượng, lược do ba xứ, ba địa, ba thứ hữu tình, nên biết đã gồm thấu khắp nghĩa của các Samôn.

Thế nào là ba xứ? Đó là:

1. Cảnh.
2. Trí.
3. Chứng.

Những gì là ba địa? Đó là:

1. Địa đang gia hạnh gồm thấu các phàm phu.
2. Địa hữu học.
3. Địa vô học.

Ba thứ hữu tình là:

1. Hữu tình là hàng phàm phu đang gia hạnh.
2. Hữu tình là hàng hữu học.
3. Hữu tình là hàng vô học.

Thế nào gọi là cảnh? Nghĩa là sáu Giới như địa v.v... cùng với sáu xúc xứ làm chỗ dựa cho Thế. Sáu xúc xứ này cùng mười tám ý hành làm chỗ dựa cho Thế. Mười tám ý hành có thể tạp nhiễm tâm.

Thế nào gọi là trí? Nghĩa là xứ nương dựa của huệ tăng thượng, tâm thanh tịnh.

Thế nào gọi là chứng? Tức là xứ nương dựa của huệ tăng thượng. Hoặc xứ nương dựa của đế. Hoặc xứ nương dựa của xả. Hoặc xứ nương dựa của tịch tĩnh.

Thế nào là xứ nương dựa của huệ? Tức huệ là nơi chốn nương dựa, ở trong địa phàm phu đang gia hạnh tu tập pháp thiện đúng đắn làm nhân duyên, nên có thể không phóng dật, nhập địa hữu học.

Huệ là nơi chốn nương dựa, chứng A-la-hán, trong địa vô học đạt được tận trí, nhận biết rõ như thật: Sự sanh của ta đã hết v.v... Hoặc các huệ thế gian sau trí xuất thế gian của hàng hữu học, vô học.

Thế nào là xứ nương dựa của đế? Nghĩa là đã đạt được tám chi Thánh đạo, đoạn trừ các phiền não. Do xứ nương dựa ấy, nên các khổ của vị lai rất ráo chẳng sanh. Do đấy hoàn toàn không quên mất, gọi là xứ nương dựa của đế.

Thế nào là xứ nương dựa của xả? Nghĩa là đoạn trừ sự việc kia. Do nơi chốn nương dựa ấy nên đối với sự việc đã đoạn, hành không tạp nhiễm nơi hiện pháp lạc trụ.

Thế nào là xứ nương dựa của tịch tĩnh? Nghĩa là vì đoạn dứt các

sự việc của kiết còn lại, nên tạo phương tiện siêng năng tu tập. Như đã đạt được đạo, thì đây là xứ nương dựa, đối với các kiết còn lại, cùng các sự việc còn lại, có thể xả bỏ trọn vẹn. Hết thấy như thế, nói tóm tắt, vì nhằm được chứng đắc, nên tu tập trí. Đã được chứng rồi nên đạt được Thánh đạo và quả của Thánh đạo.

Quả có hai loại: Là phiền não đoạn trừ cùng với sự được dứt bỏ. Ở đây, một loại chứng chỗ chưa chứng. Xứ dựa thứ hai là xả bỏ khổ của vị lai. Xứ dựa thứ ba là có thể tùy thuận quen gần với hiện pháp lạc trụ. Xứ dựa thứ tư là đoạn trừ chưa viên mãn, có thể khiến viên mãn. Ngang với từng ấy xứ, các sư Du già, đối với nơi chốn nên tạo tác đều được cứu cánh. Nghĩa là đối với pháp chưa chứng, do xứ dựa thứ nhất có thể chứng. Đối với khổ của vị lai, xứ dựa thứ hai có thể xả bỏ. Đối với lạc của hiện pháp, xứ dựa thứ ba có thể trụ. Đối với sự đoạn dứt trên chưa được viên mãn, xứ dựa thứ tư có thể viên mãn.

Tất cả như thế, do bốn xứ nương dựa, phải nên nhận biết rõ. Ở đây, chỗ đạt được Thánh đạo trước, gọi là đạo tịch tĩnh. Vì đoạn trừ sự phiền não của phần vị trên, nên lúc đang tu tập nơi sự việc được đoạn dứt, càng hưởng tới tăng ích. Đối với phiền não được đoạn, ngăn giữ chưa được đã thối chuyển.

Trong ấy, thế nào là do trí quan sát cảnh giới của đối tượng nhận thức chứng pháp nên chứng? Nghĩa là, trong địa phàm phu đang gia hạnh, hữu tình là phàm phu hành đúng đắn, do trong ngoài riêng, quan sát năm Giới, đối với thân hiện có, trụ nơi quán tuần thân. Nghĩa là tâm giải thoát cùng huệ giải thoát là tăng thượng, nên họ khởi gia hạnh như lý như vậy, ở trong các Giới, trụ chỉ là Giới tưởng quán, chỉ có Giới, hoàn toàn không có ngã. Dựa nơi lực xét chọn, đối với Giới của các sắc đã xa lìa tham, nhưng nơi đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn. Nơi đời vị lai không mong cầu, nên đối với đời hiện tại không tham đắm, gọi là đã lìa tham. Chưa có thể loại bỏ vĩnh viễn tùy miên kia, nên gọi là đối với đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn dứt. Hành giả này, đối với tham đã xa lìa, do tâm giải thoát là lực tăng thượng để xa lìa tham, nên tâm được thanh tịnh, nhưng nơi đối tượng duyên chưa có thể đoạn trừ. Phần vị trên còn lại nên dốc tu trị. Từ đấy trở về sau, đối với cảnh giới thuộc về sáu xúc xứ, quan sát thuận hợp, ở trong các thọ, trụ nơi Tuần thọ quán. Hành giả, như trước đã nói, dựa vào lực xét chọn, nơi cảnh giới của các thọ cũng xa lìa tham. Quán đầy đủ về tánh vô thường của duyên sanh, tức như trước đã nêu, nhưng nơi đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn trừ. Hành giả đối với vô minh đã xa lìa, do huệ giải

thoát làm lực tăng thượng, dựa vào các minh xúc sanh khởi tác ý như lý, tương ứng với thọ thiện hiện có, đối với các thọ đã sanh tạp nhiễm đều chán bỏ mà trụ. Vì đã xa lìa tham được khởi từ chỗ duyên của thọ do vô minh xúc sanh ra, nên gọi là được thanh tịnh, nhưng đối với tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên các phần vị trên còn lại cần phải tu trị. Từ đây trở về sau, nơi mười tám ý hành đều quán xét không điên đảo, kết hợp nơi tâm pháp đồng thời an trụ, tuần quán tâm pháp. Hành giả khởi tư duy: Mười tám ý hành này là bậc nhất, hơn hết! Tức là các giả thoát tịch tĩnh hiện có, vượt quá các sắc, ở nơi vô sắc, đối với chỗ có thể tùy thuận xả bỏ, đều khởi các ý hành.

Lại khởi tư duy: Nếu ta dựa vào ý hành thắng diệu ấy, nơi xả thanh tịnh, hoặc định hoặc sanh tham vương, trói buộc nhớ nghĩ, nhân đây tâm ta liền thành tạp nhiễm.

Nhận biết như thế rồi, xả bỏ, không nhớ nghĩ. Đó gọi là nơi tâm trụ, tuần quán tâm.

Lại, đối với các xứ, quán tánh vô thường. Đó gọi là nơi pháp trụ, tuần quán pháp. Hành giả, bấy giờ, nơi ba tướng định cùng với xứ Phi tướng phi tướng, với các hành hiện có nơi hữu thứ nhất còn lại, đã lìa tham, nên gọi là nơi Giới tướng và Giới hành, tham cũng được xa lìa. Phần khác như trước đã nói. Như vậy, hành giả ở trong địa đang gia hạnh gồm thâm phạm phu, tịnh tu tâm rồi, vì nhằm chứng hợp tâm học giải thoát. Lại, đối với tất cả thân thọ tâm pháp, quán chỉ có pháp, hoàn toàn không có ngã, nơi hết thấy hữu, thâm tâm đều chán bỏ, không khởi gia hạnh. Nghĩa là ngã sẽ có, hoặc ngã sẽ không, đều nhận biết rõ đúng như thật, ở đây không có pháp có pháp không. Hành giả do nhận biết đúng như thật như thế, nên lần lượt đối với ba lậu do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ, tâm được giải thoát, chứng đắc tận trí, quán xét tất cả các thọ của vị lai không còn lưu chuyển nữa. Các thọ ấy không lưu chuyển, do tận diệt. Hành giả bấy giờ, dựa vào tận trí đã đạt được do các lậu đã dứt hết, là bậc nhất, là tối thắng. Chỗ dựa của các huệ thuộc phạm phu hữu học cũng còn có cấu uế, nay chỗ đạt được ấy nhất định là không cấu uế. Lại, tức huệ này, ở trong Diệt đế, các phiền não đã đoạn. Do hành tịch tĩnh duyên dựa mà trụ, tạm thời mất niệm cũng không thể động. Như vậy, tâm huệ giải thoát hiện có, không bị quên niệm xâm lấn, xen tạp như hàng phạm phu cùng bậc hữu học trước đây. Do hành giả hãy còn có pháp quên mất, nên đế không viên mãn. Nơi bậc vô học, nơi tất cả thời, tánh đều như thật, nên đế viên mãn, do đó, chỗ dựa của đế thành tựu bậc nhất. Do có thể từ bỏ hết thấy sự việc nương dựa, nên chỗ dựa

của xả thành tựu bậc nhất. Hết thủy quả của đạo được hợp thành, nên gọi là khéo tu đạo, không phải như hàng phàm phu cùng các vị hữu học, nên xứ dựa của tịch tĩnh thành tựu bậc nhất.

- Hỏi: Do nhân duyên nào, chỉ tại bậc vô học, bốn thứ xứ nương dựa được gọi là bậc nhất? Không phải ở nơi phần vị của phàm phu cùng hữu học?

- Đáp: Ở trong phần vị ấy, các lậu ngấm thấm vi tế cũng không thể nhận biết, hướng chi là có phẩm trung, thượng. Tại địa phàm phu, lậu ngấm thấm hiện bày càng nhiều. Trong phần vị hữu học ít có thể nhận biết là có.

Ở đây, những gì gọi là lậu ngấm thấm? Nên biết như trước đã nói, các cử động v.v..., gọi là lậu ngấm thấm. Nơi phần vị kia, tất cả đều đã đoạn trừ vĩnh viễn, nên hưởng đến tánh Mâu ni đại viên mãn. Vì thế gọi Mâu ni là tịch tĩnh tối thắng.

Lại, đã loại bỏ hoàn toàn nhân của vị lai, nên đối với khổ của sanh lão tử nơi đầu giữa sau, đều dừng dứt toàn bộ. Lúc hành hiện pháp, đối với các pháp thế gian, bốn thứ tham ái đã vĩnh viễn dứt bật. Bốn thứ sân hận vĩnh viễn vắng lặng. Lại, lúc an trụ, không vui thích ồn tạp, vì đã đạt được tịch tĩnh hoàn toàn.

Lại nữa, dựa nơi việc tu tập pháp Bồ đề phần hiện có, viên mãn tăng thượng, do bảy nhân duyên, nên biết là đã kiến lập bảy thứ Chánh pháp. Những gì là bảy? Đó là:

1. Đối tượng duyên của tác ý do Văn tạo thành.
 2. Đối tượng duyên của tác ý do Tư, Tu tạo thành.
 3. Tức ba thứ tác ý ấy, khi gia hạnh có sai biệt.
 4. Đối với việc thọ dụng của cải, thọ dụng khắp của cải đều khéo thông tỏ.
 5. Thọ dụng của cải, giáo pháp, nơi mọi thời gian, từ kẻ khác đạt được.
 6. Lúc đạt cứu cánh, bên trong lìa thượng mạn, không hoại mất.
 7. Cũng ở nơi chốn khác, lìa tăng thượng mạn, không hoại mất.
- Ở đây, lúc dựa nơi các tướng chỉ, cử, xả, tu tập nhận biết, như nơi địa Thanh văn cùng địa Tam-ma-hí-đa đã biện biệt về tướng. Về nghĩa ăn uống, như nơi địa Thanh văn, nên biết có sai biệt.

Lại, ở trong ấy, kẻ thọ dụng của cải: Là đối với các chúng Sát đế lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả v.v... Người thọ dụng pháp: Là chúng Sa-môn. Ta nên hành như thế: Nghĩa là khéo phòng hộ nơi thân, khéo giữ gìn các căn, khéo trụ nơi chánh niệm. Người nên trụ như thế: Nghĩa là,

đi đến nơi đầu cửa, nếu không đồng ý thì không nên vào. Hoặc được vào rồi, nếu không đồng ý thì không nên tự mình đi tới tòa ngồi mà ngồi. Nên ngồi như thế: Nghĩa là không nên buông thả hết thủy phần thân, cho đến nói rộng. Nên nói như thế: Nghĩa là có năm thứ nói năng:

1. Nói năng hợp thời.
2. Nói năng hợp lý.
3. Nói năng đúng lượng.
4. Nói năng tịch tĩnh.
5. Nói năng chánh trực.

Nên im lặng như thế: Nghĩa là nơi năm lúc, phải nên yên lặng:

1. Hoặc là lúc rối loạn.
2. Hoặc là lúc bị phỉ báng.
3. Hoặc lúc tranh chống nhau mà trụ.
4. Hoặc khi mới tỉnh.
5. Hoặc lúc đàm luận.

Thế nào là nói năng hợp thời? Nghĩa là không rối loạn, hoặc vờ vã tâm tư. Hoặc không vui thích nghe. Hoặc không an trụ nơi oai nghi đúng lúc, mà có ngôn thuyết.

Lại, nên trước hết là theo thứ tự cho thời gian đầu nơi công việc, sau đấy tán thán, khích lệ rồi mới chính thức khởi ngôn thuyết.

Lại, nên chờ cho kẻ khác bàn luận xong xuôi, mới khởi ngôn thuyết. Hết thấy các loại như thế, nên biết gọi là nói năng hợp thời.

Thế nào là nói năng hợp lý? Nghĩa là nương nơi bốn đạo lý, có thể dẫn đến nghĩa lợi, hợp với sự thật mà nói, gọi là nói năng hợp lý.

Thế nào là nói năng đúng lượng? Nghĩa là văn cú trọn đủ, nói ngang với từng ấy là thích hợp, chỉ nên nói bấy nhiêu không thêm không bớt, không nói những câu lời tạp loạn, vô nghĩa. Các loại như vậy gọi là nói năng đúng lượng.

Thế nào là nói năng tịch tĩnh? Nghĩa là lời nói không cao xa, cũng không ồn, động. Thân không vung vẩy, miệng không gào thét mà có lời nói, gọi là nói năng tịch tĩnh.

Thế nào là nói năng chánh trực? Nghĩa là lời nói không dối trá, không nhân nơi bịa đặt mà có ngôn thuyết, lia mọi dua nịnh, quanh co, bày lời luôn thuận hậu, chân thật. Như thế nên biết gọi là nói năng chánh trực.

Đối với bản thân không có các pháp thiện như tín v.v... thì không khởi thượng mạn cho là tự có. Đối với chỗ hẹp nhỏ cũng không tăng thêm để thành rộng lớn. Chỉ ở nơi thật có, cho đến nếu có, nhận biết rõ

đúng như thật, tự xưng nói có, gọi là tự nhận biết.

Lại, tín là điều trước tiên để thọ trì tịnh giới. Trì giới là điều trước tiên để cầu pháp đa văn. Do đây làm yếu tố trước tiên để xả bỏ các thứ lỗi lầm. Đối khắp tất cả của cải, thân mạng không chút luyến tiếc. Do đây làm yếu tố trước tiên nên tâm được định tĩnh, chứng trí như thật. Năm pháp như thế, do bốn nhân duyên nên được hiển phát:

1. Do kẻ khác giáo hóa.
2. Do sức tăng thượng của giáo pháp, tự nội chứng.
3. Tâm tư cùng sanh biện tài thù thắng.
4. Do trước thường xuyên hành tập, đạt được công đức cùng

sanh tương ứng nơi các thiện nam.

Lược có hai loại hữu tình, cùng nêu rõ hai loại. Hai loại như thế, phân biệt cả hai đều là thù thắng, nên biết xét chọn hai thứ có sai biệt. Tu bảy pháp thiện được hai thắng lợi: Nghĩa là trong hiện pháp được an lạc của khinh an, biết rõ tánh thật của cảnh, phát sanh hỷ thù thắng. Do nhân duyên ấy nên trụ nhiều nơi hỷ lạc. An trụ ở đấy rồi, có thể tư duy như lý, mau chóng chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Lại nữa, dựa nơi việc tu tập pháp Bồ đề phân tăng thượng, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lược do các học cùng quả của các học gồm thấu tất cả pháp.

Thế nào là các học? Nghĩa là ba thứ học:

1. Giới tăng thượng.
2. Tâm tăng thượng.
3. Huệ tăng thượng.

Thế nào là quả của học? Nghĩa là hai Giới Niết-bàn Hữu dư y và Vô dư y. Nên biết ở đây, tất cả pháp là pháp thiện dục. Xuất gia thanh tịnh nhằm chứng Niết-bàn nên trước thọ trì Giới. Do đây, lần lượt cho đến đạt được Niết-bàn cứu cánh. Thế nên, nêu rõ tất cả các pháp, dục là căn bản.

Lại, dựa nơi tịnh giới dẫn cầu Chánh pháp, thấu nhận đa văn. Do sức tăng thượng của việc nghe Chánh pháp, nên có thể mau chóng hợp chúng Tăng ngữ xúc, Minh xúc. Thế nên nói pháp kia là Tập xúc.

Lại, pháp kia đều là nẻo dẫn đến Minh xúc sanh khởi các thọ, cho đến Giới bát Niết-bàn Hữu dư y, là hậu tế, vì cầu an lạc mà phát khởi. Lạc này hoàn toàn là không tánh tội, thế nên nói pháp thuộc về học kia, là nẻo đưa đến của thọ.

Lại, pháp kia vì cầu Minh xúc hiện có, cũng dựa nơi Minh xúc sanh khởi các thọ, dấy tác ý do Văn-Tư-Tu tạo thành, do đó nói pháp

ấy đã sanh tác ý.

Lại, bấy giờ, đối với bốn niệm trụ, do niệm phẩm quán, dùng quán làm chỗ dựa, cùng với chỉ của nội tâm làm tăng thượng, thế nên nói pháp kia là tăng thượng của niệm.

Lại, niệm tăng thượng khởi Xa-ma-tha, cùng với diệu trí nơi hiện quán về Thánh đế sau là đứng đầu, chuyển biến, thế nên nói pháp kia đối với định là đứng đầu.

Lại, ở trong các hiện quán về Thánh đế, huệ là tối thắng, nghĩa là có thể vĩnh viễn rốt ráo dứt hết các lậu. Do đó nói huệ của pháp kia là tối thắng.

Lại, do tất cả lậu đã hoàn toàn dứt hết, nên đạt được Minh xúc cứu cánh, sanh các thọ cùng hành với giải thoát. Tức giải thoát này không phải do tất cả pháp thuộc về học thường xuyên tùy được, mà chỉ do chứng đắc tức thì. Vì giải thoát này, trong tất cả lạc là bậc nhất, hơn hết, không có tánh tội, thế nên nói pháp kia tức dùng giải thoát để tạo sự kiên cố.

Lại, pháp kia đối với tâm khéo giải thoát như thế, hoặc đối với các Minh xúc đã sanh các thọ, hoặc nơi các pháp hiện có thuộc về học, cùng chỗ dựa là thân, đối với Giới Bát Niết-bàn Vô dư y, tự nhiên vận hành đạt tịch diệt cứu cánh, thế nên nói pháp kia đều cho Niết-bàn là hậu tế.

Nên biết ở đây, dục là tăng thượng để thọ trì tịnh giới, gọi là Giới học tăng thượng. Nương dựa nơi huệ của tâm tăng thượng thuộc xúc, thọ, nhận giữ phương tiện nơi tác ý hiện có, hoặc niệm hoặc định cùng với gia hạnh, gọi là Tâm học tăng thượng. Huệ là tối thắng, gọi là Huệ học tăng thượng. Như vậy nên biết gọi là ba học. Pháp kia nương giữ nơi giải thoát kiên cố, nên Giới Bát Niết-bàn Hữu dư y là học quả thứ nhất. Niết-bàn nơi hậu tế, tức Giới Bát Niết-bàn Vô dư y là học quả thứ hai.

Như vậy là lược nói về học và quả của học gồm thấu tất cả pháp.

Lại, các học này cùng quả của chúng có thể chứng đắc tứ lương, nên biết là có thể đối trị tám thứ lỗi lầm tai họa, tu tập chín tướng.

Những gì gọi là tám thứ lỗi lầm tai họa? Đó là:

1. Tham chấp lợi dưỡng, sự cung kính.
2. Yêu mến, cất chứa tất cả các hành của hữu sau.
3. Tu tập tướng vô thường-khổ.
4. Tu tập tướng khổ-vô ngã.
5. Tu tập tướng chán nghịch về ăn uống.
6. Tu tập tướng tất cả thế gian không thể an lạc.

7. Tu tập tướng chết.

8. Tu tập tướng không bình đẳng, bình đẳng nơi thế gian.

9. Tu tập tướng có, không, hiện, ẩn, lỗi lầm, xuất ly.

Nên biết ở đây, hành bình đẳng như pháp hiện có, có thể đi đến nẻo thiện, gồm thân nghiệp thân ngữ ý thiện, gọi là bình đẳng. Hành không bình đẳng của phi pháp hiện có, có thể dẫn đến nẻo ác, gồm thân nghiệp thân ngữ ý bất thiện, gọi là không bình đẳng.

Lại, trụ nơi đấy, hoặc sanh hoặc trưởng, có thể dấy khởi các khổ hiện có của hậu tế, được gọi là có. Từ nơi tiền tế kia, ở trong hiện pháp có khổ tử diệt, được gọi là không. Các thứ hiện, ẩn v.v... còn lại, nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, nghe pháp không chân chánh với sức tăng thượng đã sanh tưởng không như lý làm chỗ nương dựa, phát khởi vô minh sanh ra các thọ. Do đấy làm chỗ dựa sanh khởi các lậu. Các ngoại đạo, đối với các lậu ấy đã không nhận biết đúng như thật. Cũng đối với các thọ do vô minh xúc sanh ra không nhận biết đúng như thật. Cũng đối với các tướng tà vạy hiện có được sanh do sức tăng thượng của việc lãnh hội pháp bất chánh, không nhận biết đúng như thật. Nơi ba xứ ấy đều không nhận biết như thật, nên phát khởi cầu dục, phát khởi cầu hữu, cũng lại phát khởi cầu phạm hạnh tà vạy cùng cầu về không, có.

Các ngoại đạo đối với các dục không nhận biết như thật, đối với nghiệp của hữu sau không nhận biết đúng như thật, đối với các khổ ấy không nhận biết như thật. Ở đây, năm thứ trước là xứ của Tập đế. Một thứ sau cùng là xứ của Khổ đế. Như vậy, ngoại đạo đối với Tập đế ấy và Khổ đế đều không nhận biết đúng như thật.

Lại, tức ở nơi Tập đế, Khổ đế ấy, lược do hai tướng, nên không nhận biết đúng như thật:

1. Do tạp nhiễm.

2. Do thanh tịnh.

Tạp nhiễm lại có bốn tướng:

1. Tự tánh.

2. Nhân.

3. Quả.

4. Nhân quả có sai biệt.

Thanh tịnh lại có hai thứ:

1. Tập khổ diệt.

2. Hành hướng diệt.

Các ngoại đạo, ở trong bốn Thánh đế như thế, thiếu hẳn chánh trí, nên không thể tu tập pháp Bồ đề phần. Do nhân duyên ấy, nên chỗ tu hành phạm hạnh hiện có của họ không được gọi là rốt ráo tốt cùng. Tức do duyên này nên không gọi là đạt đến cứu cánh, vì không dứt hết các lậu. Người trụ nơi nội pháp, cùng với trên trái nhau, chỗ tu phạm hạnh là rốt ráo cùng tốt, gọi là đạt đến cứu cánh, dứt sạch các lậu.

Lại nữa, đối với sáu thứ hữu tình kia, dựa nơi pháp nhiệm tịnh, Đức Như Lai hiện có căn trí của bậc Đại sĩ, cùng với pháp vị lai sanh khởi trí để chuyển.

Những gì gọi là sáu thứ hữu tình? Nghĩa là có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, đối với Pháp-Luật khéo giảng nói của Phật đạt được tịnh tín, nói rộng cho đến đạt được kiến chánh trực. Hữu tình ấy nơi đời hiện tại, ở trong Pháp-Luật thuyết giảng ác, gần gũi không phải bậc thiện tri thức, nghe không phải Chánh pháp, tác ý phi lý, ở trong hiện pháp, đầu tiên sanh khởi các tà kiến, thọ các nghiệp tạp nhiễm. Hữu tình ấy, bấy giờ, thành tựu pháp thiện hiện có của đời trước, cùng với các pháp bất thiện trong hiện pháp. Lại, nơi thời gian sau, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý. Tức do nhân trước nên dứt bỏ Pháp-Luật thuyết giảng ác, đối với các pháp bất thiện của tướng nêu giảng ác không sanh nhiễm vướng, mau chóng có thể trừ dứt. Hữu tình ấy, đối với vị lai thành tựu pháp thanh tịnh. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

Lại có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, cùng hành hai thứ pháp Tỳ-nại-da. Do đầy làm nhân, nên ở trong hiện pháp thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện. Hữu tình ấy, nơi đời hiện tại, đầu tiên như trước, đối với pháp thuyết giảng thiện, cho đến đạt được tác ý như lý, ở trong hiện pháp, các pháp bất thiện khiến pháp sẽ diệt mất, pháp mới không sanh nữa. Còn các pháp thiện, khiến pháp cũ tăng trưởng, pháp mới lại sanh nữa. Các pháp bất thiện hiện có từ trước chưa đoạn trừ, tùy miên đeo đuổi, nay đối với tất cả đều có thể đoạn trừ, trụ nơi không phóng dật. Hữu tình ấy đối với đời vị lai, thành tựu pháp thanh tịnh. Đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

Lại có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, chỉ hành ngoại hành. Hữu tình ấy, nơi đời hiện tại, do đầy làm nhân, thường xuyên hành tập xuất gia, hành tập theo tà kiến, ở trong pháp. Luật thuyết giảng thiện, gặp được duyên hòa hợp mà được xuất gia. Đã xuất gia rồi lại sanh tà kiến, trụ nơi tự kiến thủ, tạo nghiệp vô gián, cũng đoạn thiện căn, hoàn toàn tạo tác các pháp bất thiện, quyết định đi đến nẻo ác. Đó

gọi là loại hữu tình thứ ba.

Lại có ba thứ hữu tình khác, cùng với ba thứ trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Ở đây, loại hữu tình thứ nhất, trước tiên đối với ngoại pháp thuần tập hành nhân, ở trong hiện pháp trước tiên không phóng dật, sau hành phóng dật.

Loại hữu tình thứ hai, trước đối với nội ngoại pháp, cùng tập hành nhân, ở trong hiện pháp chuyên hành phóng dật.

Loại hữu tình thứ ba, trước đối với nội pháp thuần tập hành nhân, ở trong hiện pháp, nên biết hoàn toàn tu tập không phóng dật.

Lại, ở trong ấy, đời trước đã hành tập nhân thiện, bất thiện, cũng như chủng tử. Đời nay, nơi Pháp-Luật thuyết giảng thiện, đối với các chủng tử thiện của đời trước, cũng như ruộng tốt. Đối với chủng tử bất thiện của đời trước kia, cũng như ruộng xấu. Cùng với đây trái nhau, là đời nay, nơi Pháp-Luật thuyết giảng ác, đối với chủng tử bất thiện của đời trước, cũng như ruộng tốt. Đối với các chủng tử thiện của đời trước, cũng như ruộng xấu.

Lại, lực tăng thượng của nhân đời trước, nay pháp thiện khởi, cũng như ánh sáng. Cùng với tất cả các pháp bất thiện kia, như vô minh tối tăm, là chủ thể đối trị. Pháp bất thiện cùng với tất cả pháp thiện hiện có cũng như ánh sáng, làm đối tượng đối trị. Như vậy, các pháp bất thiện của đời trước, như có than nóng, do có nghĩa có thể thiêu đốt thân tâm. Pháp-Luật thuyết giảng thiện của đời nay như ngôi nhà cỏ lau khô.

Lại, pháp thiện hiện có nơi đời trước, nay ở nơi Pháp-Luật thuyết giảng ác, do tổn giảm, cũng như đồ đựng bằng đá đem để nơi chỗ đất lạnh, như không có than nóng.

Lại, các pháp bất thiện của đời trước, nay ở nơi Pháp-Luật thuyết giảng thiện, do đoạn dứt, nên cũng như đem vật đựng bằng đá đặt tại chỗ đất lạnh, như không có than nóng.

Ở đây, các Đức Như Lai, do căn vô thượng của bậc Đại sĩ nơi lực của trí có hơn kém, đối với nhân thiện bất thiện của đời trước đã hợp thành căn, theo chỗ ứng hợp đều nhận biết rõ như thật.

Lại, nơi môn nhiệm tịnh của hiện pháp chuyển đổi, sanh khởi các pháp nhiệm tịnh của vị lai, cũng theo chỗ ứng hợp, đều nhận biết rõ đúng như thật, nên nói là thành tựu điều hết sức hy hữu.

Lại nữa, hành đi đến nẻo ác, hành đi tới nẻo thiện, hành vượt qua có sai biệt, nên biết lược có năm môn không đồng. Do năm môn này, nên đối với sự tự vượt qua, đã nhận biết rõ như thật. Đối với sự vượt qua

của kẻ khác, cũng biết rõ khắp, đúng đắn. Đó là chư Phật và đệ tử của chư Phật.

Thế nào gọi là hành đi đến nẻo ác? Nghĩa là tất cả Tát-ca-da-kiến hiện có của các ngoại đạo dùng làm căn bản. Các kiến thú ác cùng đối tượng duyên của chúng, và chỗ nương dựa ấy dùng làm nơi nương dựa, phát sanh vô số dục ác cùng hại, hoặc vô lượng pháp ác bất thiện hiện có như sát sanh v.v..., như kinh đã nói rộng, cho đến các hành phi pháp hiện có, hành không bình đẳng là sau cùng. Có thể đi đến nơi chốn hiểm ác, có thể đi tới địa ngục, có thể đi đến các nẻo ác sanh khởi có sai biệt. Hoặc trụ nơi các cảnh giới kia gọi là sanh vào nẻo ác, lãnh nhận dị thực của các quả phi ái, chiêu cảm do nhân của những nẻo ấy. Như thế gọi là hành đi đến nẻo ác.

Các Thánh đệ tử đa văn đối với điều ấy, nếu nơi đối tượng duyên kia sanh các kiến thú, hoặc tự dựa vào đấy khiến khởi chấp trước, hoặc các dục ác hiện có, có thể dẫn đến tất cả nẻo hiểm ác, nói rộng cho đến các hành phi pháp, các hành không bình đẳng cho là sau cùng. Nếu trụ ở đấy, lãnh nhận quả phi ái, xấu ác v.v..., hết thấy như thế đều tùy quán đúng như thật, không có ngã, ngã sở. Tức là ở trong đó, quyết định không ngã, cũng không ngã sở. Quán như vậy rồi, chính lúc đối với Thánh để đạt được hiện quán, các kiến thú, tùy miên căn bản kia đều vĩnh viễn dứt sạch, nên gọi là đoạn, ngoài ra hết thấy đều rốt ráo không còn nối tiếp. Các Thánh đệ tử này, đối với kiến thú kia được xem là căn bản hiện có để có thể dẫn đến các nơi chốn hiểm ác, quyết định không tạo tác, nên nhất định không thể đi đến các nơi chốn hiểm ác. Đó gọi là môn vĩnh viễn loại trừ hành thứ nhất dẫn đến nẻo ác. Do nhân duyên ấy nên có thể đối với tự nội, nhận biết rõ như thật, về các Thánh lìa ngã v.v...

Như thế, chư Phật cùng đệ tử của Phật, có thể nhận biết khắp, đúng như thật về môn vĩnh viễn dứt trừ hiện có sai biệt.

Lại, tức các Thánh đệ tử như thế, vì nhằm vượt qua hành dẫn đến nẻo thiện còn lại chưa đoạn, nên chư vị đối với chỗ tạo tác trước không sanh biết đủ, đối với việc dứt hết lậu nêu tiên khởi vui thích, mong muốn, phát tâm chánh nguyện, nơi chỗ đạt được các đạo thế tục, quán xét kỹ về lỗi lầm, nghĩa là chúng không thể lìa khổ một cách rốt ráo. Đó gọi là môn phát tâm nguyện thứ nhất, vì nhằm vượt qua hành dẫn đến nẻo thiện.

Phát tâm nguyện rồi, đối khắp hữu sau của tất cả nẻo thiện sanh khởi ái vị, đều quán sâu xa về lỗi lầm của chúng, nhưng con đường

hiểm ác, tâm sanh chán lìa, vui mộ tịch tĩnh nơi Niết-bàn hiện pháp, tu tập đúng đắn theo phương tiện, do đấy tiến tới như trước đã đạt được hành hương đến Niết-bàn. Như thế gọi là môn có thể tiến tới.

Chư vị kia, do tu đạo lần lượt lìa dục, cho đến có thể nhập định hữu thứ nhất, nếu đối với xả trên sanh nhiều ái vị cùng nhân duyên phóng dật, ở trong hiện pháp không Bát Niết-bàn, thì chỉ gọi là quả Bất hoàn của hành trên. Như thế gọi là môn sau của hành trên. Nếu lại đối với pháp kia, quán sâu xa về lỗi lầm, tai họa, ở trong xả trên không sanh ái vị, đối với hiện pháp có thể chứng Niết-bàn, dựa nơi Bát Niết-bàn Hữu dư y để nêu bày, như vậy gọi là môn Bát Niết-bàn. Do môn này, nên nhận biết rõ đúng như thật về tự Bát Niết-bàn, vượt qua tất cả hành dẫn tới nẻo thiện, đối với sự vượt qua của kẻ khác cũng có thể nhận biết đúng khắp. Đó là chư Phật cùng đệ tử của Phật. Ở đây, thứ nhất là môn vĩnh viễn dứt trừ, nên biết là vượt qua hành dẫn đến nẻo ác. Sau, phát tâm nguyện tiến đến hành trên là bốn môn Niết-bàn, nên biết là vượt qua hành dẫn tới nẻo thiện.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đã kiến đế tích, nhưng chưa lìa dục, nên biết lược có hai thứ tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm của dục.
2. Tạp nhiễm của hữu sau.

Đối với hai thứ ấy, các Thánh đệ tử nên siêng năng gia hạnh, tịnh tu nơi tâm. Chư vị, vì nhằm đoạn trừ tạp nhiễm của dục, nên lúc siêng tạo phương tiện, dần dần dựa vào ba hành:

1. Hành hương đến Vô động.
2. Hành hương đến xứ Vô sở hữu.
3. Chứng nhập định Vô động, Vô sở hữu, xứ Phi tưởng phi tưởng.

phi tưởng.

Ở đây, do đối trị đoạn, cùng đối trị phần xa, nên vượt qua tạp nhiễm của dục. Hoặc vì đoạn trừ tạp nhiễm của hữu sau, nên lúc siêng tạo phương tiện, đã lìa ái của cõi Dục, chưa lìa ái của cõi Sắc. Chư vị tu tập đúng đắn, có thể đoạn trừ tạp nhiễm hiện có của hữu sau, do đạo đối trị có sai biệt, đã lìa ái của cõi Sắc, cho đến có thể nhập định Phi tưởng phi tưởng xứ. Nếu trong hiện pháp, đối với xả trên sanh nhiều ái vị, không Bát Niết-bàn, thì chư vị đối với hiện pháp không hoàn toàn giải thoát tất cả tạp nhiễm của hữu sau hiện có. Nếu đối với xả trên không sanh ái vị, thì chư vị, ở trong hiện pháp có thể Bát Niết-bàn, có thể hoàn toàn giải thoát tất cả tạp nhiễm hiện có nơi hữu sau. Nên biết ở đây, hoặc vì đối trị tạp nhiễm của dục, nên tu đạo đối trị, lần lượt cho

đến có thể nhập định Đệ nhất hữu. Hoặc vì đối trị tạp nhiễm của hữu sau, nên tu đạo đối trị, lần lượt cho đến có thể nhập định Đệ nhất hữu. Hai thứ như thế gọi là cùng giải thoát. Do các Thánh giả và hàng phàm phu không phải Thánh đều có thể cùng dung nạp, thế nên giải thoát này không gọi là Thánh giải thoát.

Nếu đối với tất cả khổ cho đến Tát-ca-da khổ của cõi Hữu đánh, đều nhận biết như thật rồi, vượt qua cõi Hữu đánh, ở trong hiện pháp đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tạp nhiễm hiện có, thì giải thoát như thế chỉ các Thánh giả mới có thể đạt được, nên giải thoát ấy gọi là Thánh giải thoát.

Như vậy, tất cả gồm chung có năm xứ:

1. Hành hương đến Vô động.
2. Hành hương đến xứ Vô sở hữu.
3. Hành hương tới xứ Phi tướng phi phi tướng.
4. Niết-bàn hiện pháp.
5. Thánh giải thoát.

Lại có ba thứ lỗi lầm tai họa của các dục:

1. Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của lạc thọ, đã sanh khởi nhân duyên của tham dục.
2. Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của khổ thọ, đã sanh khởi nhân duyên của sân hận.
3. Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của thọ không khổ không lạc, đã sanh khởi nhân duyên phần phát vô minh.

Lại, các dục này chính ở nơi ba xứ, nên quán xét về lỗi lầm tai họa của chúng:

1. Tự tánh.
2. Đối tượng duyên.
3. Trợ bạn.

- Tự tánh: Nghĩa là phân biệt hư vọng sanh khởi tham ái.

- Đối tượng duyên: Tức là cảnh của năm thứ sắc, hoặc trong hoặc ngoài.

- Trợ bạn: Là tác ý phi lý tương ứng với tướng điên đảo.

Lại, ta đã đạt được an trụ đầy đủ nơi xứ sở này, sanh khởi tin hiểu, nên biết chư vị ở trong đạo gia hạnh tu tập tịnh tín, nơi xứ sở ấy sanh tâm tịnh tín. Do sức tăng thượng của tịnh tín này, nên tu tập tinh tấn niệm định huệ. Từ nơi Tĩnh lực 1, lần lượt cho đến xứ Thức vô biên, các định vô động đều có thể chứng nhập. Lại, do huệ kia đã phát khởi thắng giải này: Nghĩa là ta đã có thể nhập các định như thế. Đây tức có thể chiêu

cảm quả sanh hiện có do xứ Thức vô động. Nếu trong hiện pháp không Bát Niết-bàn, hoặc không tiến cầu đi đến địa trên, thì chư vị ấy, nơi vị lai quyết định nên đi đến xứ vô động đó.

Lại do ba duyên, tức đối với các địa này, nên biết đã kiến lập làm xứ vô động. Nghĩa là do dục v.v... bên ngoài tán động được đoạn trừ, nên lập Tĩnh lự thứ nhất làm xứ vô động.

Tâm tứ hỷ lạc, trong địa của cõi Sắc, các thứ động được đoạn trừ nên lập Tĩnh lự thứ tư làm xứ vô động. Vô số tướng có sắc có đối biệt dị, các thứ động đã đoạn, nên lập xứ Không vô biên, xứ Thức vô biên làm xứ vô động. Tĩnh lự thứ hai, Tĩnh lự thứ ba, khoảng giữa và càng về sau, các thứ động hiện có đều đoạn, nên biết cũng được gọi là xứ vô động. Xứ Thức vô biên, do môn ngoài của xứ Không vô biên duyên nơi động đã được xa lìa, nên biết đã kiến lập làm xứ vô động.

Nói tóm lại, duyên nơi định hiện có không dao động, nên đều gọi là vô động. Biên vực của định này tốt cùng đến xứ Thức vô biên, do đó nên biết, cho đến xứ ấy đã kiến lập là vô động. Tức tất cả duyên nơi định hiện có ấy, đều gọi là định của tướng hữu thượng. Từ đấy trở lên, duyên nơi định Vô sở hữu, nên biết gọi là định của tướng vô thượng. Từ đấy trở lên, lại gọi là định của xứ Phi tướng phi phi tướng.

Nên do ba phần nêu rõ về ba hành. Do ba thứ môn, các Thánh đệ tử chán bỏ dục v.v... Đã chán bỏ rồi, lần lượt có thể nhập, cho đến định của xứ Thức vô biên, do đấy đã kiến lập hành có thể đi đến ba thứ xứ vô động.

Lại, hoặc tướng sắc, hoặc tướng vô động, đối với các địa dưới sanh chán hoại sâu xa rồi, có thể nhập định của xứ Vô sở hữu. Đó gọi là hành thứ nhất có thể hưởng đến xứ Vô sở hữu.

Lại, tức xứ này là biên vực tu tập của đạo vô lậu. Đạo vô lậu này lại có hai thứ:

1. Hữu thượng.
2. Vô thượng.

Như hữu thượng của định hữu tướng, kết hợp với hành vô thường, thì vô thượng kia kết hợp với hành vô ngã. Do hành hữu thượng đối với địa dưới sanh chán hoại sâu xa rồi, nhập định của xứ ấy.

Do hành vô thượng, đối với dưới, trên, trong tất cả pháp tư duy đều là vô ngã, nên có thể nhập định vô lậu nơi xứ Vô sở hữu. Hành vô thượng ấy, nên biết gọi là hành thứ hai hưởng tới.

Hành thứ hai hưởng tới này, lại do hai hành có sai biệt, nên kiến lập hai thứ.

Thế nào là hai hành? Nghĩa là trí sai biệt của chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa. Ở đây, chủ thể nương dựa là trí vô ngã: Nghĩa là các thứ hiện có, hoặc là giới hữu tình, hoặc là tự thân của ngã, trong đó đều không có xứ thuộc về ngã, tức là địa phương, lãnh vực. Thuộc về ngã: Nghĩa là các hữu tình. Sự thuộc về ngã, nghĩa là hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc bạn, hoặc chủ, các loại như thế. Như họ đối với ngã không phải là xứ hệ thuộc.

Không hệ thuộc: Là sự không có hệ thuộc. Như vậy, ngã cũng đối với họ không phải là xứ thuộc về. Không thuộc về: Là sự không hệ thuộc.

Ở đây, đối tượng được nương dựa là trí vô ngã: Nghĩa là các thế gian không, không có thường cùng ngã, ngã sở. Ở đây, đều không có thường, ngã, ngã sở chân thật có thể đạt được, chỉ có các hành. Như vậy, thế gian đều đã là không, nên lại có cái gì có xứ hệ thuộc? Có hệ thuộc: là có sự hệ thuộc. Do đó nên biết, trí vô ngã trước là chủ thể nương dựa. Trí vô ngã sau là đối tượng được nương dựa.

Xứ Phi tướng phi phi tướng không có đạo vô lậu, chỉ do tướng chán hoại xứ Vô sở hữu, nên có thể nhập định của xứ ấy. Trong đó chỉ có một hành hướng tới này.

Lại, ở trong ấy, ngã sở sao lại không có: Nghĩa là do các khổ như sanh v.v... nên nói ngã có khổ. Ngã sao lại không có? Tức do các khổ như sanh v.v... khiến ngã phát tâm lạc dục như thế rồi, siêng năng gia hạnh đúng đắn. Gia hạnh như thế rồi, nên đạt được các thứ hiện có trước sau có sai biệt. Do nhân duyên ấy, nên lại được quyết định: Nghĩa là ngã sẽ không có. Ngã sở sẽ không có. Nếu nay hiện có: Nghĩa là hiện nay nơi hiện pháp, nghiệp mới hiện có đã tạo tác, làm tăng trưởng. Nếu ngày trước đã có: Nghĩa là các nghiệp cũ. Các Thánh đệ tử kia, đối với tất cả quả dị thực hiện có đều không mong cầu. Tất cả đều nên dứt bỏ, không luyến tiếc.

Lại nữa, tụng nêu:

*An lập thuận biên vực
Cùng duyên khởi như lý
Lúc tu, chướng tự tánh
Nói đoạn, khởi tu sau.*

Ở đây, an lập bốn niệm trụ làm đầu, đạo chi làm sau cùng nơi ba mươi bảy thứ pháp Bồ đề phần, hoặc lược hoặc rộng, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại do bốn niệm trụ, nên biết tất cả biên vực của sự thuộc đối

tượng nhận thức. Do biên vực của sự nơi đối tượng nhận thức nên lại nhận biết rõ về biên vực của sự thuộc trí.

Lại bốn niệm trụ, do dục tinh tấn v.v..., tu tập gia hạnh mới được viên mãn. Nên biết, trừ bốn thứ niệm trụ ấy ra thì lại không có đạo không đồng phạm nào khác, hoặc cảnh của đối tượng duyên. Do đạo ấy, cảnh ấy có thể dứt hết các lậu, đạt được Niết-bàn.

Do không có đạo thanh tịnh thứ hai, nên nói thuần có một chánh đạo có thể hướng đến.

Lại, thuần một chánh đạo có thể hướng tới này, do hai nhân duyên có thể khiến cho hữu tình đạt thanh tịnh rốt ráo:

1. Do lực xét chọn.
2. Do lực tu tập.

Đối với bốn niệm trụ siêng năng tu tập gia hạnh, dựa nơi lực xét chọn, vượt qua mọi sầu lo, phóng túng. Do dựa nơi lực tu tập thế gian, nên có thể lìa dục ái, dứt bỏ ưu khổ.

Dựa nơi lực tu tập xuất thế gian, nên vượt qua tất cả Tát-ca-da-khổ. Cũng có thể chứng đắc tám chi Thánh đạo cùng quả của Thánh đạo nơi pháp diệu chân thật. Hết thấy hữu tình nên biết đều do hai thứ lực xét chọn, tu tập, nên đạt được tất cả thứ thanh tịnh rốt ráo.

Lại nữa, nếu đối với bốn thứ đối tượng duyên như thân v.v... phát khởi vô số tác ý phi lý, tức liền trái với bốn thứ niệm trụ. Chống trái ở đây, tức liền chống trái với tác ý như lý. Nghĩa là như lý của Thánh liên tiếp có thể sanh khởi chi chánh kiến cùng Thánh đạo hiện có. Chống trái ở đây, tức liền chống trái với tất cả Thánh đạo. Chống trái với đạo, nên liền là chống trái với quả cam lồ của đạo là Niết-bàn cứu cánh.

Lại, sự Du già nhận biết rõ bốn duyên như thân v.v... sanh rồi, lại đối với các pháp của ba đời như thân v.v... trụ nơi quán vô thường. Do trụ nơi quán vô thường như thế, nên đối với các hữu sau, hoàn toàn không nương dựa vào ái của hữu sau để trụ.

Lại, trong hiện pháp, nơi tất cả hành hoặc trong hoặc ngoài đều không chấp giữ ngã, ngã sở.

Lại, nơi đời vị lai, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp tập. Nơi đời quá khứ, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp diệt. Nơi đời hiện tại, pháp sanh rồi liên tục tận diệt, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp tập diệt. Do chư vị, đầu tiên đối với các pháp như thân, quán tánh của duyên sanh, ngộ nhập vô thường. Ngộ nhập tánh vô thường như thế rồi, đối với xứ tập nhiễm của các kiến ái, tu tập, an trụ nhiều, tịnh trị nơi tâm. Như thế, phương tiện của tác ý viên mãn, do đây làm chỗ dựa, có

thể tùy thuận đạt được lậu tận rốt ráo.

Lại, tất cả pháp, nói tóm tắt, là thiện bất thiện, hoặc phẩm tạp nhiễm, hoặc phẩm thanh tịnh. Nên biết ở đây, các phẩm tạp nhiễm đều dùng tác ý phi lý làm sự tích tập. Các phẩm thanh tịnh đều dùng tác ý như lý làm sự tập hợp. Như thế, tất cả lược chung gọi là tác ý làm tập.

Lại nữa, tu tập các niệm trụ, hoặc lược hoặc rộng, như nơi địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lại, đạo lý của sự tu tập niệm trụ này, không phải khi Đức Thế Tôn xuất hiện ở đời mới bắt đầu tuyên thuyết, khiến các Thánh đệ tử tu tập thích ứng. Nhưng nơi quá khứ, từ vô thủy đến giờ, đối với các niệm trụ, sự tu tập luôn lưu chuyển, và đối với đời vị lai, nên biết sự tu tập cũng không cùng tận.

Lại, vô lượng pháp thiện thế gian xuất thế gian của ba đời quá khứ hiện tại vị lai ấy, đã sanh khởi từ nơi chốn nương dựa, nên nói bốn thứ niệm trụ như thế gọi là tụ thiện.

Lại, có thể gây chướng ngại cho tụ thiện như thế, nên nói năm cái gọi là tụ bất thiện.

Lại, do bốn pháp của đối tượng nhận thức như thân v.v... là không có biên vực riêng biệt, nên trí huệ của Đức Như Lai đối với chúng không bị ngăn ngại, cũng không có biên vực. Do trí vô biên, nên Đức Như Lai đã thuyết giảng giáo pháp vô thượng, cũng không có biên vực. Giáo pháp như vậy, do hai duyên nên được hiển bày:

1. Do văn.
2. Do nghĩa.

Môn sai biệt của nghĩa không có số lượng. Môn mở bày làm rõ nghĩa nơi văn cú của giáo pháp, cũng không có số lượng. Đối với văn cú ấy, không tuyên thuyết lần nữa. từ vô biên, biện tài lần lượt đạt đến vô tận. Thế nên Đức Như Lai đã thành tựu pháp kỳ diệu chưa từng có. Khéo có thể tuyên thuyết giáo pháp hiện có, ở trong một nghĩa có thể dùng vô lượng văn cú xảo diệu, theo phương tiện khai thị mà không thuyết trùng lặp.

Lại, đối với Thánh giáo, trí lãnh hội tông chỉ, nghĩa lý sâu xa đã khéo thành tựu, gọi là “có nghĩa lý sâu xa”. Diệu huệ cùng sanh do Văn, Tư tạo thành, khéo thành tựu, nên gọi là “có ý nghĩa”. Thành tựu về định, nên gọi là “có niệm”. Thông tỏ về đế nên gọi là “có huệ”. Nên biết ở đây, một câu đầu là nêu chung, ba câu sau là giải thích riêng.

Lại nữa, có các Bí-sô đối với thân cùng pháp, trước do Văn, Tư tác ý như lý, an trụ nơi Quán chỉ có thân cùng pháp, nhận biết tất cả pháp,

tánh vô ngã rồi, không chỉ đối với tác ý do Văn, Tư ấy mà sanh biết đủ, chỉ mong cầu tâm định giải thoát. Vì cầu định nên trụ nơi xứ xa lìa, chỉ duyên nơi thân v.v... do chín hành tướng khiến tâm an trụ, khiến bên trong tâm được vắng lặng. Do hai nhân duyên khởi bốn niệm trụ, gọi là khéo phát khởi:

1. Do trí như thật tác ý như lý.

2. Do trí như thật của Tam-ma-địa.

Huệ này không gián đoạn, do trí như thật nên đạt được cứu cánh.

Lại nữa, có các Bí-sô, đối với ba thứ đối trị, được tùy thuận theo điều mong muốn, được không khó khăn, được không trở ngại. Nghĩa là tướng vô thường, hoặc quán nhân từ, hoặc định vô tướng. Chư vị, do ba thứ đối trị như thế, theo chỗ ứng hợp, như trước đã nói.

Đối với cảnh giới hợp ý cùng thân, trụ nơi tướng chán nghịch, nơi tướng không chán nghịch, dứt bỏ hai thứ kia, xả niệm, chánh tri. Do nhân duyên ấy, nên biết gọi là “khéo tu niệm trụ”.

Lại nữa, tụng nêu:

Trước các căn ái vị

Trước sau có sai biệt

Giữ tướng cùng các triền

Quả lợi lớn là sau.

Có ba thứ căn, đối với tất cả “thiện tụ” của các niệm trụ, làm chướng ngại, nên biết gọi là “tụ pháp bất thiện”. Những gì là ba căn? Đó là:

1. Căn hành ác: Có thể khiến cho vị lai trụ nơi khổ của nẻo ác.

2. Căn tầm tư: Có thể khiến cho hiện pháp trụ nơi khổ bất an.

3. Căn của căn: Cùng với căn hành ác và căn tầm tư làm căn bản, nên gọi là căn của căn.

Ở đây nên biết, ba căn bất thiện là Tham-sân-si có thể cùng với hành ác của thân v.v... làm căn. Ba tướng như dục v.v... có thể cùng với tầm tư như dục v.v... làm căn. Ba cõi như dục v.v..., nên biết có thể cùng với ba căn như tham v.v..., cùng ba căn như dục tướng v.v... làm căn.

Lại nữa, có các Bí sô đối với bốn niệm trụ siêng tu gia hạnh, dùng đạo thế gian lìa ái của cõi Dục, nói rộng cho đến, đạt định của hữu thứ nhất, an trụ đầy đủ. Tức ở nơi định này sanh nhiều ái vị. Tức ở nơi định này sanh tướng biết đủ, không siêng cầu đạt được các pháp của bậc trên chưa chứng đắc. Ở đây, trong Thánh pháp Tỳ-nại-da không gọi là Đại sĩ.

Lại nữa, có các Bí sô, đối với cảnh như thân v.v... đã tinh tấn an

trụ, quán tuần thân v.v..., do chín thứ hành tướng khiến tâm được an trụ, giúp cho tâm nội tụ. Nên biết tâm này, đối với pháp Xa-ma-tha đã đối trị các thứ hôn trầm thấp kém của thân tâm, khiến không đạt được giải thoát. Do không giải thoát, nên dựa vào tâm tụ ấy, sanh khởi tánh của các hôn trầm trong thân, sanh khởi tánh của các thứ thấp kém trong tâm. Nếu đối với niệm trụ, tâm khéo an trụ, nhận biết rõ đúng như thật về chốn sanh khởi tùy phiền não ấy rồi, liền từ nội tụ trở lại thâu tóm tâm để yên nơi bên ngoài cảnh tướng tịnh diệu. Nghĩa là đối với hành duyên nơi công đức của Phật, giữ tâm khiến trụ. Do duyên ở đây, nên phát sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến, do môn cử diệu nên ở nơi cảnh của đối tượng duyên khiến tâm được định. Theo chỗ đối trị của Xa-ma-tha về các tùy phiền não mà được giải thoát. Từ đó trở về sau đều nhận biết rõ như thật, đối với tùy phiền não tâm được giải thoát. Vì nghĩa này nên cầu nguyện, nơi bên ngoài đạt được nghĩa ấy rồi, trở lại như trước, thâu tóm nội tụ của tâm, nhưng không bị các tùy phiền não làm não loạn. Tâm được nội tụ rồi, không do cầu nguyện, tự nhiên nhận biết rõ như thật, về nơi bên ngoài tâm được giải thoát. Chư vị ấy, đối với hành tướng tầm tư của ngoại duyên có chỗ đã được chế phục. Các gia hạnh khó có thể vận chuyển đều được tự tại giải thoát, xả bỏ, an lạc mà trụ, tức đã được thành tựu đầy đủ Xa-ma-tha thù thắng. Các Bí-sô như vậy, nơi bốn thứ niệm tụ tâm khéo an trụ, có thể nhận biết rõ đúng về trước sau có sai biệt.

Lại nên biết, các hữu tình này trước đã tu tập Tỳ-bát-xá-na, dùng pháp ấy làm chỗ dựa, đối với Xa-ma-tha tu hành Du già.

Lại nữa, có các Bí-sô, nơi các niệm trụ siêng tu gia hạnh, dùng pháp Tỳ-bát-xá-na làm chỗ nương dựa, đối với pháp Xa-ma-tha vui thích tu hành Quán. Các vị ấy, tức nên ở nơi tự tâm thuộc về nội Xa-ma-tha giữ lấy tướng như vậy: Nghĩa là ta nay, tư duy về điều gì, vì sao tư duy, khiến tâm thọ nhận Xa-ma-tha bị các thứ hôn trầm, thấp kém của thân tâm vốn do Xa-ma-tha đối trị, làm não loạn. Lại, ta nay tư duy về nơi chốn nào, vì sao tư duy, khiến tâm được Xa-ma-tha thâu nhận không bị các pháp kia làm não loạn.

Nếu các Bí-sô không giữ lấy tướng mạo của tự tâm như thế, chỉ tự nhận biết rõ tâm ấy bị tùy phiền não nhiễm ô rồi, liền đối với duyên bên ngoài nhận lấy tướng tịnh diệu, do đấy làm nhân, tuy có thể tạm thời trừ bỏ tùy hoặc hiện tại hiện tiền, nhưng nơi thời gian sau hoặc lại như trước, thâu giữ tâm nơi nội tụ, trở lại bị tùy hoặc não loạn như thế, tức không được định tĩnh, như trước không giữ lấy tướng của tự tâm. Do

nhân duyên ấy, nên bị tùy phiền não thường xuyên nhiễu, lại không thể đạt được nghĩa vui vẻ mong cầu, mà còn bị tổn não do sự ưu sầu kia. Trải qua thời gian dài không thể có được nội tâm dừng lặng, không thể đạt được việc trước tiên dựa vào Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na để có chánh niệm, chánh tri bậc nhất của thanh tịnh tăng thượng. Do không có được nội tâm dừng lặng, nên không thể đạt được hiện pháp lạc trụ của bốn tâm tăng thượng. Do không đạt được chánh niệm, chánh tri bậc nhất tăng thượng, nên không thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh an ổn vô thượng mà trước chưa chứng đắc.

Cùng với trên đây trái nhau, nên biết tức là phẩm Trắng, cho đến đạt được Niết-bàn cứu cánh an ổn vô thượng mà trước chưa đạt được.

Lại nữa, có các Bí-sô đối với các niệm trụ siêng năng tu tập đúng đắn, nhưng là phạm phu, hoặc có cảnh giới thắng diệu, khả ái đang hiện tiền, hoặc lại ở riêng biệt, đạt được các tướng trạng. Do mất niệm nên tưởng không như lý dùng làm chỗ dựa, đột nhiên phát khởi triền tham mãnh liệt. Chư vị đối với triền tham này, thâm tâm cảm thấy xấu hổ, chán bỏ, như tự thân rơi vào chốn ách nạn hết sức tệ hại, nên phát khởi mạnh mẽ tâm suy xét xa lìa. Do hành như vậy, nên đối với triền kia tâm được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, tâm sanh hoan hỷ. Từ đấy trở về sau, dấy khởi sự chán lìa mãnh liệt, đạt được tướng vô thượng, liền ở nơi Thánh đế hiện quán như thật, dùng làm chỗ dựa, nương vào Niết-bàn.

Lại, tức hàng hữu học tác ý quan sát, ở nơi cảnh thắng diệu tư duy về tướng tịnh, do chưa đoạn trừ hoàn toàn tùy miên tham, nên triền tham đột nhiên sanh khởi, hiện tiền. Tức thì lại đối với triền ấy thấy rõ lỗi lầm tai họa, vì nhằm đoạn trừ chúng nên nhập định vô tướng, như thế có thể đoạn các pháp chưa đoạn trừ khác. Từ định khởi rồi, nhận biết rõ đúng như thật về tất cả các thứ đã đoạn, lãnh nhận hỷ lạc vi diệu của giải thoát. Quán thấy đúng như thật về bản thân, thành tựu sức mạnh của đại trí, nên gọi là mạnh mẽ, khiến sức của các loại ma-la suy kém.

Lại nữa, tu bốn niệm trụ dẫn đến công đức, nên biết có thể chiêu cảm quả cứu cánh tăng thượng tối thắng, nên gọi là có quả lớn. Nên biết có thể chiêu cảm thắng lợi an lạc tăng thượng tối thắng, nên gọi là có lợi lớn.

*

**